

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ M'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2018/DSST
Ngày 05-02-2018
“V/v: Tranh chấp đòi tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ M'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: - Ông Đỗ Văn Tha

Các hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Hoài Bảo

- Ông Nguyễn Văn Mạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trần Quốc Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2018 tại Toà án nhân dân huyện Cư M'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 228/2017/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp đòi tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị S và ông Lê Ngọc H– Có mặt.

Địa chỉ: số nhà 37 BT, thị trấn QP, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Bà Phan Thị X và ông Đỗ Quang V – Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: 68 BT, thị trấn QP, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26/6/2017 và quá trình tố tụng nguyên đơn bà Phạm Thị X, ông Lê Ngọc H trình bày: Vào ngày 17/11/2012 vợ chồng ông V, bà X vay của vợ chồng tôi số tiền 200.000.000 đồng, mục đích vay để xây nhà, ông V, bà X không thể chấp tài sản, thời hạn trả nợ ngày 17/11/2013 trả đầy đủ, không thỏa thuận về lãi suất. Việc vay tiền ông V có viết giấy vay và vợ chồng ông V, bà X ký xác nhận và giao cho vợ chồng tôi giữ. Vợ chồng tôi đã giao đủ số tiền 200.000.000 đồng. Nay vợ chồng tôi yêu cầu ông V, bà X phải trả cho vợ chồng tôi số nợ trên.

Trong quá trình tiến hành tố tụng bị đơn bà Phan Thị X, ông Đỗ Quang V trình bày: Vào ngày 17/11/2012 vợ chồng tôi không đủ tiền xây nhà nên có vay của vợ chồng ông H, bà S khoản tiền 137.000.000 đồng, thời hạn vay thỏa thuận là 01 năm và tiền lãi suất trong 01 năm là 63.000.000 đồng. Khi đó chồng tôi có viết giấy mượn tiền 200.000.000 đồng và vợ chồng tôi ký, trong nội dung giấy mượn tiền không ghi cụ thể tiền gốc và tiền lãi nhưng thực tế vợ chồng tôi chỉ nhận của ông H, bà S số tiền mặt 137.000.000 đồng. Vợ chồng tôi không thể chấp tài sản gì cho vợ chồng ông H, bà S. Vợ chồng tôi đã trả được cho vợ chồng ông H, bà S tổng cộng là 197.000.000đ, vợ chồng tôi có yêu cầu ông H, bà S trả lại giấy vay tiền thì ông H, bà S nói với vợ chồng tôi rằng để bà về tìm lại rồi trả lại cho chúng tôi sau, tuy nhiên sau đó ông H, bà S cũng không trả lại giấy vay tiền cho vợ chồng tôi và vợ chồng tôi cũng không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho việc trả nợ.

Vợ chồng tôi xác định hiện chỉ còn nợ vợ chồng ông H, bà S 3.000.000 đồng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án;

Đối với Thẩm phán: Chấp hành và tuân thủ đúng với các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Đối với Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa: Tuân thủ đúng với các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Đối với đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Bị đơn ông Đỗ Quang V, bà Phan Thị X không chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 20/11/2017; bị đơn ông V, bà X không có mặt tại phiên tòa.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình.

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 200.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về quan hệ pháp luật: Trong giấy mượn tiền lập ngày 17 tháng 11 năm 2012 hai bên xác lập ngày trả là ngày 17/11/2013 nhưng đến ngày 10/10/2017 nguyên đơn mới nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nên căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố

tụng dân sự năm 2015 và Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015, Tòa án xác định đây là vụ án “Đòi lại tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện.

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập bị đơn hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt nên Tòa án quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở để xác định: Ngày 17/11/2012 vợ chồng ông V, bà X vay của vợ chồng ông H, bà S số tiền 200.000.000 đồng, mục đích vay để xây nhà. Thời hạn trả nợ ngày 17/11/2013 trả đầy đủ, không thỏa thuận về lãi suất, nhưng đến hạn trả nợ phía bị đơn ông V, bà X không trả nợ. Như vậy, ông V, bà X đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Tuy nhiên, thời hiệu khởi kiện tranh chấp về hợp đồng vay tài sản là 02 năm, kể từ ngày người vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ của mình nên ông H, bà S mất quyền khởi kiện về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, mà chỉ có quyền khởi kiện đòi lại số tiền gốc do bên vay chiếm giữ.

[3]. Phía bị đơn ông V, bà X cho rằng đã trả cho nguyên đơn ông H, bà S tổng cộng là 197.000.000 đồng, nhưng không được nguyên đơn chấp nhận và bị đơn cũng không có chứng cứ gì chứng minh cho việc trả nợ.

[4]. Xét yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 200.000.000 đồng là có căn cứ pháp luật. Vì vậy, cần buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 200.000.000 đồng.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cụ thể như sau: 200.000.000 đồng x 5% = 10.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào các Điều 166, Điều 274, Điều 275, Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn Phạm Thị S, Lê Ngọc H.

Buộc bị đơn Đỗ Quang V, Phan Thị X phải trả cho nguyên đơn Phạm Thị S, Lê Ngọc H số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Áp dụng Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 để tính lãi suất chậm trả khi đương sự có đơn yêu cầu thi hành án.

Về án phí: Bị đơn Đỗ Quang V, Phan Thị X phải chịu 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) tiền án phí DSST.

Nguyên đơn Phạm Thị S, Lê Ngọc H được nhận lại 5.000.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2017/0001780 ngày 11 tháng 10 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

*** Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện;
- CCTHA huyện;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VPCQ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đỗ Văn Tha